

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011**

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT

Tầng 2, tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 27

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT

Tầng 2, tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Viễn thông FPT (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo hợp nhất này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trương Đình Anh	Chủ tịch
Bà Chu Thị Thanh Hà	Phó Chủ tịch
Ông Trương Gia Bình	Thành viên
Ông Lê Quang Tiến	Thành viên
Ông Lê Huy Chí	Thành viên
Ông Nguyễn Thành Nam	Thành viên
Ông Bùi Quang Ngọc	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Khoa	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2012)
Bà Chu Thị Thanh Hà	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2012)
Ông Thang Đức Thắng	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2012)
Ông Phạm Thành Đức	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2012)
Ông Nguyễn Hoàng Linh	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2012)
Bà Vũ Thị Mai Hương	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 20 tháng 04 năm 2011)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT

Tầng 2, tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Nguyễn Văn Khoa
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2012

Số: /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất”) của Công ty Cổ phần Viễn thông FPT (gọi tắt là “Công ty”), từ trang 4 đến trang 27. Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1 và trang 2, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Trần Thị Thúy Ngọc
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0031/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 28 tháng 02 năm 2012
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Quang Trung
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0733/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		1,213,451,052,215	845,485,590,082
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	725,753,901,755	152,598,123,255
1. Tiền	111		94,780,404,999	84,450,123,255
2. Các khoản tương đương tiền	112		630,973,496,756	68,148,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	18,000,000,000	254,654,899,604
1. Đầu tư ngắn hạn	121		18,000,000,000	254,654,899,604
III. Phải thu ngắn hạn	130		311,824,665,102	258,421,781,084
1. Phải thu khách hàng	131		331,343,323,995	261,918,798,868
2. Trả trước cho người bán	132		37,749,007,159	26,561,269,441
3. Phải thu nội bộ	133		-	1,005,734,658
4. Các khoản phải thu khác	135		6,956,265,275	4,394,369,180
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(64,223,931,327)	(35,458,391,063)
IV. Hàng tồn kho	140	7	63,913,389,066	99,930,647,082
1. Hàng tồn kho	141		63,913,389,066	99,930,647,082
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		93,959,096,292	79,880,139,057
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		33,830,266,744	26,037,495,386
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		28,112,600,511	39,741,697,176
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		28,766,142,557	3,032,898,829
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		3,250,086,480	11,068,047,666
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260+269)	200		1,205,146,040,300	1,277,460,144,463
I. Tài sản cố định	220		1,024,231,504,457	1,147,821,824,920
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	846,963,617,017	964,997,052,763
- Nguyên giá	222		1,838,903,829,181	1,702,991,091,744
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(991,940,212,164)	(737,994,038,981)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	164,535,985,485	177,943,350,353
- Nguyên giá	228		220,402,085,511	218,076,952,181
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(55,866,100,026)	(40,133,601,828)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		12,731,901,955	4,881,421,804
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		6,000,000,000	600,000,000
1. Đầu tư dài hạn khác	258		6,000,000,000	600,000,000
III. Tài sản dài hạn khác	260		163,135,793,721	115,873,843,053
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		117,095,215,740	80,153,198,460
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		42,692,471,245	32,736,454,080
3. Tài sản dài hạn khác	268		3,348,106,736	2,984,190,513
IV. Lợi thế thương mại	269		11,778,742,122	13,164,476,490
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		2,418,597,092,515	2,122,945,734,545

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 27 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		1,235,282,703,365	863,011,859,662
I. Nợ ngắn hạn	310		1,233,700,411,149	861,028,037,133
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	11	-	71,130,389,755
2. Phải trả người bán	312		224,534,575,804	385,860,331,007
3. Người mua trả tiền trước	313		30,609,642,509	15,745,783,543
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	76,727,168,251	40,105,559,103
5. Phải trả người lao động	315		39,928,682,559	6,834,500,001
6. Chi phí phải trả	316		164,132,627,071	126,276,982,068
7. Phải trả nội bộ	317		-	18,205,217,306
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	13	446,035,157,378	8,920,753,803
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	14	80,843,714,478	57,129,796,260
10. Doanh thu chưa thực hiện	338		170,888,843,099	130,818,724,287
II. Nợ dài hạn	330		1,582,292,216	1,983,822,529
1. Phải trả dài hạn khác	333		100,000,000	398,500,000
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		1,482,292,216	1,585,322,529
B. NGUỒN VỐN (400=410)	400		1,088,561,436,316	1,195,429,206,920
I. Vốn cổ đông	410	15	1,088,561,436,316	1,195,429,206,920
1. Vốn điều lệ	411		997,015,350,000	831,067,620,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		7,383,565,272	7,570,250,399
3. Cổ phiếu quỹ	414		(1,482,080,000)	(919,000,000)
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		85,644,601,044	357,710,336,521
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	500	15	94,752,952,834	64,504,667,963
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (540=300+400+500)	540		2,418,597,092,515	2,122,945,734,545

Nguyễn Văn Khoa
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2012

Đỗ Thị Hương
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 02-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2011	2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		3,500,165,950,214	2,467,215,255,193
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		10,884,582,428	9,823,684,430
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	17	3,489,281,367,786	2,457,391,570,763
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	18	1,917,908,543,033	1,227,347,579,858
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		1,571,372,824,753	1,230,043,990,905
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	76,440,438,379	55,720,589,895
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	20	25,225,368,612	30,316,921,595
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>3,526,074,211</i>	<i>13,917,657,439</i>
8. Chi phí bán hàng	24		175,149,439,262	113,938,603,687
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		646,222,128,527	540,311,604,195
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		801,216,326,731	601,197,451,323
11. Thu nhập khác	31		9,292,851,565	49,198,863,308
12. Chi phí khác	32		9,769,072,091	49,032,727,580
13. Lợi nhuận từ hoạt động khác (40=31-32)	40		(476,220,526)	166,135,728
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		800,740,106,205	601,363,587,051
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	21	143,983,729,691	85,852,468,413
16. (Thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	52	22	(9,956,017,163)	(1,434,801,351)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		666,712,393,677	516,945,919,989
17.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		84,661,396,191	44,252,047,340
17.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		582,050,997,486	472,693,872,649
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	23	5,870	4,795

Nguyễn Văn Khoa
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2012

Đỗ Thị Hương
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 27 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

MẪU B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2011	2010
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	800,740,106,205	601,363,587,051
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	273,523,903,663	242,031,328,819
- Các khoản dự phòng	03	28,765,540,264	18,611,081,817
- Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	05	-	923,974,113
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	06	(67,563,755,531)	(43,676,095,611)
- Chi phí lãi vay	07	3,526,074,211	13,917,657,439
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	1,038,991,868,812	833,171,533,628
- Biến động các khoản phải thu	09	(81,033,779,896)	(46,205,906,155)
- Biến động hàng tồn kho	10	36,017,258,016	(64,976,926,731)
- Biến động các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(13,874,248,498)	117,513,335,550
- Biến động chi phí trả trước và tài sản khác	12	(51,384,890,740)	(25,879,320,521)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(3,526,074,211)	(13,917,657,439)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(137,095,046,355)	(153,006,724,248)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	8,470,114,764
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	788,095,087,128	655,168,448,848
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(176,116,525,377)	(498,962,635,962)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	9,269,846,551	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(5,400,000,000)	(94,995,837,285)
4. Tiền thu hồi cho vay của đơn vị khác	24	236,654,899,604	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	71,127,550,344	44,161,337,206
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	135,535,771,122	(549,797,136,041)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	6,416,330,000	8,043,270,000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các cổ đông, mua lại cổ phiếu của công ty đã phát hành	32	(563,080,000)	(797,960,000)
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(71,130,389,755)	(133,567,149,368)
4. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(285,197,939,995)	(104,596,887,110)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(350,475,079,750)	(230,918,726,478)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	573,155,778,500	(125,547,413,671)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	152,598,123,255	278,145,536,926
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	725,753,901,755	152,598,123,255

Tiền chi trả cổ tức trong năm không bao gồm 398.213.308.000 VND (năm 2010 là 0 VND), là số tiền dùng để chi trả cổ tức trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Nguyễn Văn Khoa
Tổng Giám đốc

Đỗ Thị Hương
Kế toán trưởng

Ngày 28 tháng 02 năm 2012

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 27 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Viễn thông FPT (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101778163 ngày 23 tháng 11 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, sửa đổi lần 14 của Giấy đăng ký kinh doanh số 0103008784 ngày 28 tháng 7 năm 2005.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ và các công ty con tại ngày 31/12/2011 là 3.668 (31/12/2010: 3.390).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp các dịch vụ ADSL, cho thuê đường truyền, tên miền và lưu trữ dữ liệu, quảng cáo trực tuyến, trò chơi trực tuyến và các dịch vụ trực tuyến khác.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty và các công ty con bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 tại Thuyết minh số 25.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm (theo VAS11- Hợp nhất kinh doanh, thời gian hữu dụng ước tính tối đa không quá 10 năm).

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu***Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả, các khoản nợ, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm 2011 (Số năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	25
Máy móc và thiết bị	3 – 8
Thiết bị quản lý	3 – 6
Phương tiện vận tải	6
Tài sản khác	3 – 5

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy vi tính, giấy phép và quyền khai thác được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Các tài sản cố định vô hình này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng, cụ thể như sau:

	Năm 2011 (Số năm)
Phần mềm máy vi tính	3 - 5
Giấy phép	3
Quyền khai thác đường truyền internet tốc độ cao - dự án Asia America Gateway (“AAG”)	15

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Ghi nhận doanh thu**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Doanh thu dịch vụ viễn thông**

Doanh thu cung cấp dịch vụ viễn thông được ghi nhận theo tỷ lệ thời gian mà các dịch vụ thực tế được cung cấp cho khách hàng.

Doanh thu từ bán thẻ internet và thẻ trò chơi trực tuyến trả trước được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên các đơn vị thời gian khách hàng sử dụng thẻ trả trước thực tế. Sau đó, bất kỳ khoản trả trước nào chưa sử dụng sẽ được ghi nhận là thu nhập khi hết hạn sử dụng theo chính sách về hạn sử dụng đã ban hành.

Doanh thu từ dịch vụ quảng cáo trực tuyến

Doanh thu từ dịch vụ quảng cáo trực tuyến được ghi nhận theo tỷ lệ thời gian quảng cáo ghi trong hợp đồng.

Thuê hoạt động

Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phát sinh trong suốt thời gian thuê theo phương pháp đường thẳng.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông trung bình lưu hành trong năm.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi hàng năm được trích lập không vượt quá 10% lợi nhuận thuần sau thuế và phụ thuộc vào phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPTTầng 2, tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu
Quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Tiền mặt	3,801,362,950	3,099,010,340
Tiền gửi ngân hàng	90,979,042,049	81,351,112,915
Các khoản tương đương tiền (*)	630,973,496,756	68,148,000,000
	<u>725,753,901,755</u>	<u>152,598,123,255</u>

(*) Trong đó bao gồm số tiền Công ty Cổ phần Viễn thông FPT chuyển tiền về tài khoản tập trung của Công ty Cổ phần FPT. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2011, số dư của khoản tiền chuyển về tài khoản tập trung là 555.029.143.193 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010: số dư là 0). Khoản tiền này được hưởng lãi suất 14%/năm dựa trên số dư và số ngày gửi tiền trong tài khoản tập trung. Công ty có thể rút về sử dụng bất cứ khi nào có nhu cầu và không có rủi ro khi chuyển đổi thành tiền.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn khác (i)	14,000,000,000	254,654,899,604
Ủy thác đầu tư (ii)	4,000,000,000	-
	<u>18,000,000,000</u>	<u>254,654,899,604</u>

(i) Phản ánh khoản tiền Công ty Cổ phần Viễn thông FPT cho Công ty Cổ phần FPT vay vốn có thời hạn 06 tháng kể từ ngày 06 tháng 9 năm 2011 đến ngày 06 tháng 3 năm 2012 theo phụ lục số 1 hợp đồng vay vốn số 45/FTel-FHO ngày 06 tháng 6 năm 2011. Khoản cho vay này hưởng lãi suất 18.5% /năm.

(ii) Phản ánh khoản ủy thác đầu tư ngắn hạn thông qua công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư FPT và Công ty TNHH Đầu tư FC.

7. HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	5,157,135,274	4,328,745,720
Công cụ, dụng cụ	3,312,437,280	5,678,190,483
Hàng hóa mua để bán	55,443,816,512	89,923,710,879
	<u>63,913,389,066</u>	<u>99,930,647,082</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	<u>63,913,389,066</u>	<u>99,930,647,082</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tài sản khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2011	54,492,571,674	1,129,978,929,029	37,958,471,606	475,036,346,418	5,524,773,017	1,702,991,091,744
Tăng trong năm	-	73,196,400,150	3,972,740,419	63,859,126,874	2,032,204,075	143,060,471,518
Tăng do mua sắm	-	73,161,435,047	3,972,254,019	63,802,116,777	2,032,204,075	142,968,009,918
Tăng khác	-	34,965,103	486,400	57,010,097	-	92,461,600
Giảm trong năm	14,360,735	4,040,610,414	199,547,379	2,881,988,053	11,227,500	7,147,734,081
Thanh lý, nhượng bán	11,063,767	4,040,610,414	199,547,379	2,881,988,053	11,227,500	7,144,437,113
Giảm khác	3,296,968	-	-	-	-	3,296,968
Tại ngày 31/12/2011	54,478,210,939	1,199,134,718,765	41,731,664,646	536,013,485,239	7,545,749,592	1,838,903,829,181
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2011	6,044,941,499	485,988,068,208	7,645,839,098	237,766,914,681	548,275,495	737,994,038,981
Tăng trong năm	3,650,299,339	125,842,243,623	8,358,988,746	117,665,555,558	886,333,831	256,403,421,097
Khấu hao trong năm	3,650,299,339	125,841,988,523	8,358,988,746	117,635,919,704	886,333,831	256,373,530,143
Tăng khác	-	255,100	-	29,635,854	-	29,890,954
Giảm trong năm	11,063,767	1,803,165,637	66,606,869	573,979,016	2,432,625	2,457,247,914
Thanh lý, nhượng bán	11,063,767	1,803,165,637	66,606,869	573,979,016	2,432,625	2,457,247,914
Tại ngày 31/12/2011	9,684,177,071	610,027,146,194	15,938,220,975	354,858,491,223	1,432,176,701	991,940,212,164
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2011	44,794,033,868	589,107,572,571	25,793,443,671	181,154,994,016	6,113,572,891	846,963,617,017
Tại ngày 31/12/2010	48,447,630,175	643,990,860,821	30,312,632,508	237,269,431,737	4,976,497,522	964,997,052,763

Tại ngày 31/12/2011, nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị 432.920 triệu đồng (31/12/2010: 424.547 triệu đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<u>Giấy phép và quyền khai thác</u>	<u>Phần mềm máy vi tính</u>	<u>Tổng cộng</u>
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2011	211,898,367,808	6,178,584,373	218,076,952,181
Tăng trong năm	-	2,338,633,330	2,338,633,330
Tăng do mua trong năm	-	2,007,205,433	2,007,205,433
Tăng khác	-	331,427,897	331,427,897
Giảm trong năm	-	13,500,000	13,500,000
Giảm do thanh lý, nhượng bán	-	13,500,000	13,500,000
Tại ngày 31/12/2011	211,898,367,808	8,503,717,703	220,402,085,511
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2011	37,131,468,371	3,002,133,457	40,133,601,828
Tăng trong năm	14,011,607,812	1,723,140,386	15,734,748,198
Khấu hao trong năm	14,011,607,812	1,717,616,588	15,729,224,400
Tăng khác	-	5,523,798	5,523,798
Giảm trong năm	-	2,250,000	2,250,000
Giảm do thanh lý, nhượng bán	-	2,250,000	2,250,000
Tại ngày 31/12/2011	51,143,076,183	4,723,023,843	55,866,100,026
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2011	160,755,291,625	3,780,693,860	164,535,985,485
Tại ngày 31/12/2010	174,766,899,437	3,176,450,916	177,943,350,353

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT

Tầng 2, tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu
 Quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31/12/2011 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
Công ty TNHH Viễn thông FPT Miền Bắc (FTN)	48 Vạn Bảo, Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội	100%	Cung cấp dịch vụ internet tốc độ cao và các dịch vụ viễn thông khác
Công ty TNHH Viễn thông FPT Miền Nam (FTS)	Lô 37 - 39A, đường số 19, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	100%	Cung cấp dịch vụ internet tốc độ cao và các dịch vụ viễn thông khác
Công ty TNHH một thành viên Viễn thông Quốc tế FPT (FTI)	Tầng 1, Phòng G6, tòa nhà Etown số 2, 364 Cộng Hòa, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh	100%	Cung cấp dịch vụ internet, đại lý cung cấp dịch vụ viễn thông và các dịch vụ khác
Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT (FOC)	408 Điện Biên Phủ, phường 11, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh	57,04%	Cung cấp dịch vụ Game online
Công ty TNHH Một Thành Viên Viễn Thông FPT Tân Thuận	Lô 37 - 39A, đường số 19, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh	100%	Cung cấp dịch vụ internet tốc độ cao và các dịch vụ viễn thông khác
Công ty TNHH Viễn thông FPT Miền Trung (FTM)	173 Nguyễn Chí Thanh, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng	100%	Cung cấp dịch vụ internet tốc độ cao và các dịch vụ viễn thông khác
Công ty TNHH MTV Giải pháp phần mềm doanh nghiệp FPT (FPTSS)	153 Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh	100%	Sản xuất phần mềm

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPTTầng 2, tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu
Quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***11. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	-	71,130,389,755
	<u>-</u>	<u>71,130,389,755</u>

Khoản vay tín chấp từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong theo hợp đồng tín dụng ngày 15 tháng 5 năm 2009. Hạn mức vay là 150 tỷ đồng, thời gian vay 30 tháng, mục đích vay để đầu tư tài sản cố định. Lãi suất thay đổi 6 tháng/lần. Khoản vay này đã được hoàn trả hết trong năm 2011.

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	9,414,248,988	11,024,593,756
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	633,683,946	751,624,673
Thuế xuất, nhập khẩu	13,454,831	209,326,858
Thuế thu nhập doanh nghiệp	62,633,758,653	25,142,260,998
Các loại thuế khác	4,032,021,833	2,977,752,818
	<u>76,727,168,251</u>	<u>40,105,559,103</u>

13. PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Cổ tức phải trả	398,213,308,000	-
Nhận tiền góp vốn xây tòa nhà văn phòng tại KCX Tân	-	-
Thuận từ FTG	35,526,960,000	-
Phải trả khác	12,294,889,378	8,920,753,803
	<u>446,035,157,378</u>	<u>8,920,753,803</u>

14. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Trong năm 2011, Ban Giám đốc Công ty và công ty con đã tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi bằng 10% lợi nhuận sau thuế với số tiền tương ứng là: 73.622.563.388 VND (bao gồm cả Công ty và Công ty con) theo Điều lệ của Công ty và công ty con. Số quỹ khen thưởng phúc lợi tạm trích năm 2010 (53.090.121.869 VND) đã được Đại hội đồng cổ đông công ty mẹ và công ty con phê duyệt trong năm 2011.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

15. VỐN CỔ ĐÔNG

Thay đổi trong vốn cổ đông

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng	Lợi ích của cổ đông thiểu số	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2010	593,977,100,000	-	(881,660,000)	249,098,328,310	842,193,768,310	36,455,582,029	878,649,350,339
Phát hành cổ phiếu	237,090,520,000	7,570,250,399	714,000,000	(230,065,870,000)	15,308,900,399	6,985,051,646	22,293,952,045
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	472,693,872,649	472,693,872,649	44,252,047,340	516,945,919,989
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(751,340,000)	-	(751,340,000)	(46,620,000)	(797,960,000)
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	-	-	-	(49,147,249,094)	(49,147,249,094)	(3,942,872,774)	(53,090,121,869)
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	(90,026,044,412)	(90,026,044,412)	(14,570,842,698)	(104,596,887,110)
Ảnh hưởng do thay đổi vốn cổ đông	-	-	-	5,541,745,314	5,541,745,314	(4,627,677,580)	914,067,734
Biến động khác	-	-	-	(384,446,246)	(384,446,246)	-	(384,446,246)
Số dư tại ngày 01/01/2011	831,067,620,000	7,570,250,399	(919,000,000)	357,710,336,521	1,195,429,206,920	64,504,667,963	1,259,933,874,883
Phát hành cổ phiếu	6,416,330,000	-	-	-	6,416,330,000	17,926,550,000	24,342,880,000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	582,050,997,486	582,050,997,486	84,661,396,191	666,712,393,677
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(563,080,000)	-	(563,080,000)	(222,640,000)	(785,720,000)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(65,599,359,376)	(65,599,359,376)	(8,023,204,012)	(73,622,563,388)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	159,531,400,000	-	-	(159,531,400,000)	-	(10,461,460,000)	(10,461,460,000)
Chia cổ tức	-	-	-	(628,644,258,395)	(628,644,258,395)	(54,766,989,600)	(683,411,247,995)
Ảnh hưởng do thay đổi vốn cổ đông	-	(186,685,127)	-	(443,044,160)	(629,729,287)	1,327,100,463	697,371,176
Biến động khác	-	-	-	101,328,968	101,328,968	(192,468,171)	(91,139,203)
Số dư tại ngày 31/12/2011	997,015,350,000	7,383,565,272	(1,482,080,000)	85,644,601,044	1,088,561,436,316	94,752,952,834	1,183,314,389,150

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT

Tầng 2, tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu
 Quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

15. VỐN CỔ ĐÔNG (Tiếp theo)

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 20 tháng 5 năm 2011, Công ty dự kiến phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ lợi nhuận năm 2010 với số tiền là 166.213.510.000 VND, tương đương 16.621.351 cổ phiếu. Một số cổ đông (không bao gồm Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước) dự kiến nhận bằng tiền mặt với giá trị là 6.417.160.000 VND, tương đương 641.716 cổ phiếu. Các cổ đông nhận bằng tiền mặt sẽ nhường quyền mua cổ phiếu cho cán bộ nhân viên Công ty có thành tích kinh doanh trong năm 2010. Quyền mua cổ phiếu của cán bộ nhân viên có đầy đủ điều kiện được ưu đãi với giá bán bằng mệnh giá (10.000 đồng/cổ phiếu).

Trong năm 2011, Công ty đã thực tế phát hành 16.594.773 cổ phiếu để tăng vốn điều lệ của Công ty, trong đó phát hành 15.593.140 cổ phiếu thường từ lợi nhuận để lại để trả cổ tức và 641.663 cổ phiếu phổ thông cho nhân viên có thành tích kinh doanh.

Trong năm 2011, Công ty đã mua lại 56.608 cổ phiếu ưu đãi của cán bộ công nhân viên nghỉ việc theo Điều lệ của Công ty và phát hành 300 cổ phiếu ưu đãi cho cán bộ công nhân viên từ nguồn cổ phiếu quỹ này.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi, vốn điều lệ của Công ty là 997.015.350.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

	Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn đã góp tại ngày			
			31/12/2011		31/12/2010	
	Số lượng cổ phiếu	%	Số lượng cổ phiếu	%	Số lượng cổ phiếu	%
1. Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước - Ông Trương Gia Bình đại diện	50,009,343	50.15%	50,009,343	50.15%	41,674,453	50.15%
2. Công ty Cổ phần FPT - Ông Lê Quang Tiến đại diện	40,305,935	40.43%	40,305,935	40.43%	35,782,679	43.06%
3. Các cổ đông khác	9,238,049	9.27%	9,238,049	9.27%	5,557,730	6.69%
	99,553,327	99.85%	99,553,327	99.85%	83,014,862	99.90%
Cổ phiếu quỹ	148,208	0.15%	148,208	0.15%	91,900	0.11%
	99,701,535	100%	99,701,535	100%	83,106,762	100%

16. CỔ TỨC

Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 20 tháng 5 năm 2011 phê duyệt việc trả cổ tức bằng tiền mặt từ lợi nhuận sau thuế năm 2010 với số tiền là 207.692.252.000 VND, tỷ lệ trả cổ tức bằng tiền mặt là 2.500VND/cổ phiếu (trong đó phần đã tạm ứng trong năm 2010 là 1000 VND/1 cổ phiếu tương đương 83.032.109.000 VND. Ngoài ra Công ty dự kiến trả cổ tức bằng cổ phiếu tương đương số tiền là 166.213.510.000 đồng từ lợi nhuận năm 2010, như đề cập tại thuyết minh số 15 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trong năm, Công ty đã chi trả cổ tức năm 2010 bằng tiền mặt cho các cổ đông với số tiền là 130.869.814.395 VND và bằng cổ phiếu với số tiền là 159.531.400.000 VND.

Theo thông báo của Hội đồng quản trị ngày 24 tháng 8 năm 2011, Công ty đã tạm ứng cổ tức đợt một năm 2011 với tỷ lệ 1.000 VND/cổ phiếu, với số tiền là 99.561.136.000 VND.

Theo thông báo của Hội đồng quản trị ngày 25 tháng 11 năm 2011, Công ty sẽ tạm ứng cổ tức đợt hai năm 2011 với tỷ lệ 4.000 VND/cổ phiếu, thời gian chốt quyền nhận cổ tức là ngày 15 tháng 12 năm 2011, với tổng số tiền là 398.213.308.000 VND. Số cổ tức này đã được trả vào ngày 15 tháng 02 năm 2012.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPTTầng 2, tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu
Quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***17. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	2011	2010
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	3,500,165,950,214	2,467,215,255,193
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng hóa	15,967,352,187	10,720,152,988
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	3,484,198,598,027	2,456,495,102,205
Các khoản giảm trừ doanh thu	(10,884,582,428)	(9,823,684,430)
<i>Hàng bán trả lại</i>	<i>(10,884,582,428)</i>	<i>(9,823,684,430)</i>
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3,489,281,367,786	2,457,391,570,763

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2011	2010
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	14,491,447,313	8,724,681,214
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	1,903,417,095,720	1,218,622,898,644
	1,917,908,543,033	1,227,347,579,858

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2011	2010
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay, đầu tư trái phiếu	72,262,194,730	44,161,337,206
Lãi chênh lệch tỷ giá	4,161,868,583	10,951,731,621
Doanh thu hoạt động tài chính khác	16,375,066	607,521,068
	76,440,438,379	55,720,589,895

20. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2011	2010
	VND	VND
Chi phí lãi vay	3,526,074,211	13,917,657,439
Lỗ do chênh lệch tỷ giá	19,620,686,608	14,743,884,017
Chi phí hoạt động tài chính khác	2,078,607,793	1,655,380,139
	25,225,368,612	30,316,921,595

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2011	2010
	VND	VND
Hàng hóa	641,374,191,427	81,297,692,929
Chi phí nhân công	464,442,342,266	213,141,547,574
Chi phí khấu hao tài sản cố định và chi phí phân bổ	305,101,129,281	269,865,085,159
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,056,692,161,966	1,077,361,744,575
Các chi phí khác	271,670,285,882	26,064,985,916
	2,739,280,110,822	1,667,731,056,153

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPTTầng 2, tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu
Quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

	2011	2010
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	800,740,106,205	601,363,587,051
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Trừ</i>		
- Thu nhập không chịu thuế (i)	(274,018,964,366)	(265,309,760,097)
- Doanh thu chưa thực hiện năm trước chuyển sang	(142,123,080,970)	(125,206,610,911)
<i>Cộng</i>		
- Chi phí không được khấu trừ	1,001,540,681	923,974,113
- Doanh thu đã phát hành hóa đơn nhưng chưa thực hiện	181,947,149,620	131,773,371,016
- Khoản lỗ tại công ty con	8,388,167,594	-
Thu nhập chịu thuế	575,934,918,764	343,544,561,172
Thuế suất thông thường	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	143,983,729,691	85,886,140,293
Trừ: - Thuế thu nhập được giảm trừ	-	(33,671,880)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	143,983,729,691	85,852,468,413
Thuế thu nhập hoãn lại (ii)	(9,956,017,163)	(1,434,801,351)

Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất bằng 25% lợi nhuận chịu thuế.

(i) Thu nhập không chịu thuế là lợi nhuận từ hoạt động chính của Công ty Cổ phần Viễn thông FPT Tân Thuận. Công ty Cổ phần Viễn thông FPT Tân Thuận được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp theo ưu đãi thuế đối với phần dự án đầu tư mở rộng cung cấp hạ tầng mạng viễn thông cho dịch vụ internet băng thông rộng trong Khu chế xuất hoàn thành đi vào hoạt động từ năm 2007, năm 2008 và năm 2009. Theo đó, doanh nghiệp được miễn thuế TNDN trong 03 năm đầu tiên và giảm 50% thuế TNDN thời hạn 05 năm cho phần thu nhập tăng thêm mang lại của dự án.

(ii) Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại và tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận liên quan đến chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chênh lệch tạm thời được khấu trừ thể hiện các khoản doanh thu chưa thực hiện ghi nhận trên bảng cân đối kế toán cho mục đích kế toán nhưng đã bao gồm trong doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của năm nay.

23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, cụ thể như sau:

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	Trình bày lại (*)
		VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	582,050,997,486	472,693,872,649
Cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong năm	99,151,604	98,582,905
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5,870	4,795

(*) Như trình bày tại Thuyết minh số 15 - Vốn cổ đông, trong năm 2011, Công ty thực hiện phát hành 15.953.140 cổ phiếu thưởng với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2010 được tính toán lại theo số lượng cổ phiếu phổ thông tăng lên do phát hành cổ phiếu thưởng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPTTầng 2, tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu
Quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***24. CÁC KHOẢN CAM KẾT**Các khoản cam kết thuê hoạt động

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	30,954,646,056	30,512,452,645
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	89,821,505,341	65,625,193,188
Sau năm năm	19,013,557,500	25,966,302,500
	<u>139,789,708,897</u>	<u>122,103,948,333</u>

25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 11 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ (bao gồm vốn góp, thặng dư vốn và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	
	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	725,753,901,755	152,598,123,255
Phải thu khách hàng và phải thu khác	274,075,657,943	231,860,511,643
Đầu tư ngắn hạn	18,000,000,000	254,654,899,604
Đầu tư dài hạn	6,000,000,000	600,000,000
Tài sản tài chính khác	6,598,193,216	14,052,238,179
Tổng cộng	<u>1,030,427,752,914</u>	<u>653,765,772,681</u>
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	-	71,130,389,755
Phải trả người bán và phải trả khác	635,042,773,182	412,986,302,116
Chi phí phải trả	164,132,627,071	126,276,982,068
Công nợ tài chính khác	100,000,000	398,500,000
Tổng cộng	<u>799,275,400,253</u>	<u>610,792,173,939</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2011	31/12/2010	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND	VND	VND
<i>Đô la Mỹ (USD)</i>	82,869,149,788	269,686,663,394	36,803,916,913	21,773,515,739

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty không có các rủi ro lãi suất do các khoản vay đã trả hết trong năm 2011.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPTTầng 2, tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu
Quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2011	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	635,042,773,182	-	635,042,773,182
Chi phí phải trả	164,132,627,071	-	164,132,627,071
Công nợ tài chính khác	-	100,000,000	100,000,000
31/12/2010	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	412,986,302,116	-	412,986,302,116
Chi phí phải trả	126,276,982,068	-	126,276,982,068
Các khoản vay	71,130,389,755	-	71,130,389,755
Công nợ tài chính khác	-	398,500,000	398,500,000

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2011	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Phải thu khách hàng và phải thu khác	267,182,063,343	6,893,594,600	274,075,657,943
Đầu tư ngắn hạn	18,000,000,000	-	18,000,000,000
Đầu tư dài hạn	-	6,000,000,000	6,000,000,000
Tài sản tài chính khác	3,250,086,480	3,348,106,736	6,598,193,216
31/12/2010	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Phải thu khách hàng và phải thu khác	227,054,344,958	4,806,166,685	231,860,511,643
Đầu tư ngắn hạn	254,654,899,604	-	254,654,899,604
Đầu tư dài hạn	-	600,000,000	600,000,000
Tài sản tài chính khác	11,068,047,666	2,984,190,513	14,052,238,179

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPTTầng 2, tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu
Quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch trọng yếu sau với các bên liên quan:

	2011	2010
	VND	VND
Công ty mẹ		
Công ty Cổ phần FPT		
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	62,781,300,000	97,785,720,000
Chia cổ tức bằng tiền	257,845,692,275	48,739,547,703
Bán hàng hóa và dịch vụ	2,106,223,417	299,378,496
Mua tài sản cố định, hàng hóa và dịch vụ	22,237,038,432	12,770,961,745
Các công ty liên quan		
Công ty TNHH Thương mại FPT (FTG)		
Bán hàng hóa và dịch vụ	1,029,638,769	663,290,000
Mua tài sản cố định, hàng hóa và dịch vụ	24,128,253,735	21,478,096,747
Công ty TNHH Phần mềm FPT (FSO)		
Bán hàng hóa và dịch vụ	6,499,331,562	2,222,173,247
Mua tài sản cố định, hàng hóa và dịch vụ	3,167,945,542	-
Công ty TNHH Hệ thống thông tin FPT (FIS)		
Bán hàng hóa và dịch vụ	3,565,525,552	2,873,173,918
Mua tài sản cố định, hàng hóa và dịch vụ	62,274,322,185	40,977,940,044
Công ty TNHH Phân phối Công nghệ thông tin FPT		
Bán hàng hóa và dịch vụ	47,016,672	235,569,520
Công ty TNHH Truyền thông giải trí FPT		
Bán hàng hóa và dịch vụ	-	1,050,570,324
Số dư trọng yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:		
	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Các khoản tương đương tiền		
Gửi tiền vào tài khoản tập trung của Công ty cổ phần FPT	555,029,143,193	-
Công nợ phải thu		
Công ty Cổ phần FPT - Các khoản cho vay ngắn hạn (từ 1 đến dưới 12 tháng)	14,000,000,000	317,600,000,000
Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT	104,590,420	2,993,410,802
Công ty cổ phần Phát triển đầu tư Công nghệ FPT	-	447,972,222
Công ty TNHH Phần mềm FPT	169,767,809	-
Phải trả		
	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Công ty Cổ phần FPT- hàng hóa dịch vụ	662,052,604	-
Công ty Cổ phần FPT - Cổ tức phải trả	161,223,740,000	-
Công ty TNHH phân phối FPT	125,908,200	1,061,552,507
Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT	1,405,576,894	10,280,253,060
Công ty TNHH Phần mềm FPT	4,911,737,857	-
Công ty TNHH bán lẻ FPT	11,368,000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT

Tầng 2, tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu
Quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

27. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Vào ngày 15 tháng 02 năm 2012, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức lần 2 từ lợi nhuận năm 2011 cho các cổ đông theo thông báo của Hội đồng quản trị ngày 25 tháng 11 năm 2011 với tỷ lệ 4000 đồng/ cổ phiếu.

28. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Nguyễn Văn Khoa
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2012

Đỗ Thị Hương
Kế toán trưởng